



Nhận thức phiên diện về Phật giáo trong tác phẩm triết luận của Phan Bội Châu

ISSN: 2734-9195

17:39 22/01/2026

Ông phê phán độc kinh Sám hối của Phật giáo là để mê hoặc đàn bà, trẻ em; điều này có thể gây nên làn sóng phản kháng không đáng có và sự bất bình trong xã hội, nhất là sự coi thường trí tuệ và tài năng của người phụ nữ Việt Nam.

Tóm tắt: Phan Bội Châu (1867 - 1940) một danh sĩ yêu nước trong thời kỳ thực dân Pháp xâm lược nước ta. Ông không những là một nhà hoạt động cách mạng Việt Nam thời danh, mà còn là nhà tư tưởng lý luận điển hình về chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XX. Trong tác phẩm *Triết luận*, Phan Bội Châu đề cập đến nhiều vấn đề về thế giới quan, nhân sinh quan, quan điểm về chính trị - xã hội như: lễ sống chết, sự báo ứng của quỷ thần, các nhà tôn giáo, số trời, lý và khí, thuyết tự do, thuyết bình đẳng, thuyết độc lập, thuyết tự cường, vấn đề cứu nước...trong tư tưởng triết học của ông. Trong đó, vấn đề yêu nước, cổ vũ cho tinh thần yêu nước, giải phóng dân tộc là mục đích quan trọng nhất trong tư tưởng lý luận của mình.



PHAN BỘI CHÂU (1867-1940)

(Ảnh: Internet)

Tuy nhiên, khi viết về vấn đề *nhà tôn giáo* nói chung, đặc biệt là Phật giáo nói riêng, ông có nhận thức chưa thật sự khách quan, toàn diện khi xem xét, đánh giá về giáo lý, hoạt động tu tập của Phật giáo; đồng thời ông chỉ trích đọc kinh sám hối, thuyết báo ứng của Phật giáo... là để mê hoặc đàn bà, trẻ em không biết gì. Phải chăng sự nhận thức của ông về Phật giáo là sự nhận thức còn mang tính chủ quan khi chưa thật sự hiểu hết giá trị của Phật giáo? Bài viết tập trung trình bày, nhận thức phiến diện về Phật giáo của Phan Bội Châu; đề cao Khổng Tử xem nhẹ tôn giáo khác. Bài viết nhằm mục đích cho người đọc hiểu đúng hơn về giá trị của Phật giáo trong cuộc sống, giáo lý nhà Phật không phải là sự mê hoặc, ép buộc bất kỳ một cá nhân theo hay không theo Phật giáo.

Từ khóa: Phan Bội Châu, nhận thức phiến diện, chủ quan, Phật giáo, triết luận.

Năm 1858, khi **thực dân Pháp** nổ súng đánh vào cửa biển Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lược nước ta, đồng thời chia Việt Nam thành ba xứ: Nam Kỳ, Trung Kỳ và Bắc Kỳ với ba chế độ để cai trị. Đứng trước sự xâm lược và cai trị của thực dân Pháp, nhân dân ta đã thể hiện tinh thần đoàn kết đứng lên đấu tranh, phản kháng mạnh mẽ, nổi bật trong đó là các phong trào khởi nghĩa của Nguyễn Trung Trực ở Tân An và Rạch Giá, phong trào kháng Pháp của Trương Định ở Gò Công, phong trào Cần Vương (1885-1896) do vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết phát động đã phát triển mạnh mẽ từ Trung kỳ ra tới Bắc kỳ, cuộc khởi nghĩa nông dân Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo kéo dài đến năm 1913... Đặc biệt, đầu thế kỷ XX, nhà yêu nước Phan Bội Châu (1867 - 1940) với chủ trương dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài, chủ yếu là Nhật Bản để đánh Pháp giành độc lập dân tộc. Năm 1904, Phan Bội Châu lập ra hội Duy Tân, tổ chức phong trào Đông Du (1906-1908) nhằm tìm kiếm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc khỏi ách đô hộ của thực dân Pháp; đó được xem là nhiệm vụ hết sức cấp thiết trong tư tưởng yêu nước của ông. Do đó, Phan Bội Châu không những là một nhà hoạt động cách mạng Việt Nam có tinh thần yêu nước nồng nàn, mà còn là nhà tư tưởng lý luận điển hình về chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XX. Trong tác phẩm *Triết luận*, Phan Bội Châu đề cập đến nhiều vấn đề về thế giới quan, nhân sinh quan, quan điểm về chính trị - xã hội như: lẽ sống chết, sự báo ứng của quỷ thần, các nhà tôn giáo, số trời, lý và khí, thuyết tự do, thuyết bình đẳng, thuyết độc lập, thuyết tự cường, vấn đề cứu nước... trong tư tưởng triết học của ông hết sức có ý nghĩa thực tiễn trong cuộc sống. Trong đó, vấn đề yêu nước, cổ vũ cho tinh thần yêu nước, giải phóng dân tộc là mục đích quan trọng nhất trong tư tưởng lý luận của ông. Tuy nhiên, trong tác phẩm *Triết luận*, khi viết về vấn đề *nhà tôn giáo* nói chung, đặc biệt là Phật giáo nói riêng, ông có nhận thức chưa thật sự khách quan, toàn diện khi xem xét, đánh giá về giáo lý, học thuyết của Phật giáo; đồng thời ông chỉ trích đọc kinh Sám hối, thuyết Báo ứng của Phật giáo là để mê hoặc đàn bà, trẻ em không biết gì. Phải chăng

ông đứng trên lập trường của Nho giáo để nhận thức, đánh giá về Phật giáo; sự nhận thức đó có phải mang tính chủ quan, phiến diện khi chưa thật sự hiểu hết giá trị của Phật giáo đã vội vàng phê phán, hạ thấp Phật giáo?

1. Nhận thức phiến diện về giáo lý Phật giáo

Trong tác phẩm *Triết luận* của mình, Phan Bội Châu đã đề cập đến những vấn đề mang tính triết lý đặc sắc, thể hiện được thế giới quan, nhân sinh quan trong đời sống xã hội hết sức có ý nghĩa. Tuy nhiên, khi bàn về lĩnh vực tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng, ông đã có những nhận định, phê phán, đánh giá, so sánh một cách chưa thật sự khách quan và hiểu hết những giá trị to lớn của các tôn giáo. Song, tác giả xin phép không bàn về các tôn giáo khác, mà chỉ đề cập đến vấn đề có liên quan đến Phật giáo trong bài viết. Trong tác phẩm *Triết luận* được trích dẫn từ tác phẩm Phan Bội Châu: Toàn tập, tập 1, trang 111, khi bàn về nhà tôn giáo, có đoạn ông đã viết:

“Phật giáo, Giatô giáo, bản chất giống nhau. Họ tự suy tôn mình lên, tìm điều màu nhiệm...đều lấy thuyết Báo ứng làm chủ, sợ người ta không tin, không theo, nên đưa ra những thuyết thiên đường, địa ngục. Lại lấy lối đọc kinh Sám hối, nước thánh rửa tội để mê hoặc đàn bà trẻ con không biết gì...Đạo Khổng Tử không thế, không bảo người ta tin mà người ta tự tin, không bảo người ta theo mà người ta tự theo, chỉ nói đạo lý mà không nói báo ứng, chỉ nói lúc đương sống mà không nói lúc đã chết rồi, mọi việc đều rõ ràng minh bạch như mặt trời giữa ban ngày” [1].

Từ những nhận định của ông về Phật giáo, tác giả thấy rằng, sự phê phán của ông về Phật giáo là sự nhận thức chủ quan, phiến diện, chưa hiểu đúng về tư tưởng của Phật giáo. Điều này không những chạm đến sự bất bình, phản ứng trong giới tu sĩ, cộng đồng Phật giáo, mà còn có thể chạm đến lòng tự trọng của người phụ nữ nói chung, đàn bà, trẻ con nói riêng, khi đọc lại tác phẩm *Triết luận* của ông.

Thứ nhất, khi ông cho rằng Phật giáo *tự suy tôn mình lên, tìm điều màu nhiệm*, điều này có thật sự đúng chăng? Khi xem xét, đánh giá về Phật giáo chúng ta không thể mang tư tưởng chủ quan, phiến diện của cá nhân mà phải tìm hiểu thật kỹ về Phật giáo. Sự ra đời của Phật giáo không phải là một sự kiện ngẫu nhiên, không phải do *thượng đế mặc khải* hay *sự uỷ nhiệm của thần linh* để thành lập đạo Phật, mà nó có bề dày phát triển và tồn tại trên 2500 năm lịch sử của nhân loại. Sự tồn tại của Phật giáo gắn liền với nhân vật có thật trong lịch sử loài người, khai sinh ra đạo Phật đó là đức Thích Ca Mâu Ni và sự ra đời của Ngài đã trở thành sự kiện văn hoá tôn giáo quốc tế được Liên Hợp Quốc công

nhận vào năm 1999. Mặc dù vậy, đức Phật không tạo ra sự huyền bí, mầu nhiệm, mê tín, Ngài không tự suy tôn mình là giáo chủ, là chúa tể cao quý nhất trong loài người, khác với những quan điểm của Hindu giáo tôn sùng một vị thần tối cao có quyền năng phán quyết mọi thứ trong đời sống con người, như đề cao về Bahmà, một trong *“Tam vị nhất thể”* của Hindu giáo. Bahmà *“là vị thần sáng tạo tuyệt đối tối cao, nhân hình hoá của “Thực tại tuyệt đối tối cao” hay “tinh thần vũ trụ tối cao” Brahman, được biểu hiện như là người sáng tạo năng động của vũ trụ, được tượng trưng hoá thành một nhân vật mang hình thức con người là một trong ba vị thần của bộ ba vị thần của Hindu giáo”* [2]. Những lời dạy của Ngài không mang tính thần quyền, mặc khải, răn đe, hăm dọa, nhằm tạo ra một sự huyền bí, để khuyến dụ mọi người tin theo, mà giáo lý của Ngài mang tính triết lý, nhân văn, đem đến lối sống đạo đức, phẩm hạnh cho con người và vì lợi ích của con người hơn là sự nương nhờ vào những điều huyền bí, thần khải hay thượng đế có quyền năng ban phước giáng hoạ. Do đó, đức Phật không tạo ra sự huyền bí, mầu nhiệm, mê tín, Ngài không tự suy tôn mình là giáo chủ, là chúa tể cao quý nhất trong loài người, quan điểm của Ngài là mọi người đều bình đẳng *“không có giai cấp trong giòng máu cùng đỏ, nước mắt cùng mặn”*, nhằm xoá bỏ sự phân biệt giai cấp, địa vị, thân phận, giới tính con người trong xã hội. Trong kinh Tiệm dân, câu 136, đức Phật cho rằng: *“Không ai sinh ra là tiệm dân, không ai sinh ra là Bà la môn. Do hành vi mà con người thành tiệm dân, do hành vi mà con người thành Bà la môn”*. Chính vì vậy, sự giác ngộ thành đạo của Ngài không đến từ sự mặc khải, uỷ nhiệm của thần linh, mà đó là quá trình tu luyện giác ngộ nội tâm bằng phương pháp thiền định, tự mình quán chiếu trong khoảng thời gian 49 ngày dưới cây Tất - bà - la bên bờ sông Ni liên thuyền (Naira-njanà), Ngài đã biết rõ sự thật về sự nguy hại của sinh, già, bệnh, chết một cách rất ráo, thoát khỏi sự ô nhiễm, sự sầu khổ, phát khởi được tuệ giác, giải thoát hoàn toàn các lậu hoặc. Trong kinh *Thánh Cầu*, Trung bộ I, Ngài nói:

“...ta tự mình bị sinh, sau khi biết rõ sự nguy hại của cái bị sinh, tìm cầu cái không sinh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết bàn và đã chứng được cái không sinh, vô thượng an ổn khỏi các khổ ách, Niết bàn...sự giải thoát của ta không bị dao động. Nay là đời sống cuối cùng của ta, không còn sự tái sinh nữa”. [3]



(Ảnh: Internet)

Câu chuyện cho rằng **Phật giáo** tự suy tôn mình lên và tự đề cao sự mầu nhiệm của Phật giáo nhằm tạo niềm tin để gây sự thu hút, lôi kéo mọi người tin theo đạo Phật là không phù hợp theo quan điểm của đức Phật. Đức Phật không tự xưng mình là giáo chủ, là bậc đạo sư; thay vào đó, Ngài kêu gọi mọi người, đệ tử tôn trọng Pháp và Luật, chỉ có Pháp và Luật mà Ngài giảng dạy là Đạo sư chỉ đường, hướng dẫn con người tu tập để trở thành người giác ngộ tự thân của chính mình. Trong kinh Đại Bát Niết bàn đã trình bày về quan điểm của Ngài hết sức rõ ràng:

“Này Ànanda, nếu trong các người có người nghĩ rằng: “Lời nói của bậc Đạo sư không còn nữa. Chúng ta không có Đạo sư (giáo chủ)”. Này Ànanda, chớ có những tư tưởng như vậy. Này Ànanda, Pháp và Luật mà Ta đã giảng dạy và trình bày, sau khi Ta diệt độ, chính Pháp và Luật ấy sẽ là Đạo sư của các người” [4].

Qua đó, thể hiện quan điểm cốt lõi của đức Phật hết sức sâu sắc, Ngài không chủ trương tự nhận mình là bậc Đạo sư, là giáo chủ của tất cả mọi người, Ngài không tạo ra sự huyền bí, bí mật để thu hút sự chú ý của con người, sự tôn kính Ngài đó là sự thể hiện tôn kính và thực hành theo những gì Ngài đã chỉ dạy, nghĩa là hãy tôn trọng Pháp và Luật mà Ngài đã giảng dạy trong suốt những năm tháng Ngài còn tại thế. Sự mầu nhiệm của đạo Phật không đến từ sự huyền bí, thần quyền, mà đó là con đường hướng dẫn con người hiểu rõ nguồn gốc, bản chất của khổ đau và phương pháp để loại trừ, diệt tận gốc rễ của sự khổ đau mà thôi. Trong kinh Tương Ưng bộ, tập 2, phẩm VI --Thọ trì, đức Phật dạy: “*Này Tỷ kheo, hãy thọ trì như vậy Bốn Thánh đế do Ta thuyết giảng. Do vậy, này*

Tỷ kheo, một cố gắng cần phải làm để rõ biết: “Đây là khổ”... Một cố gắng cần phải làm để rõ biết: Đây là con đường đưa đến khổ diệt” [5].

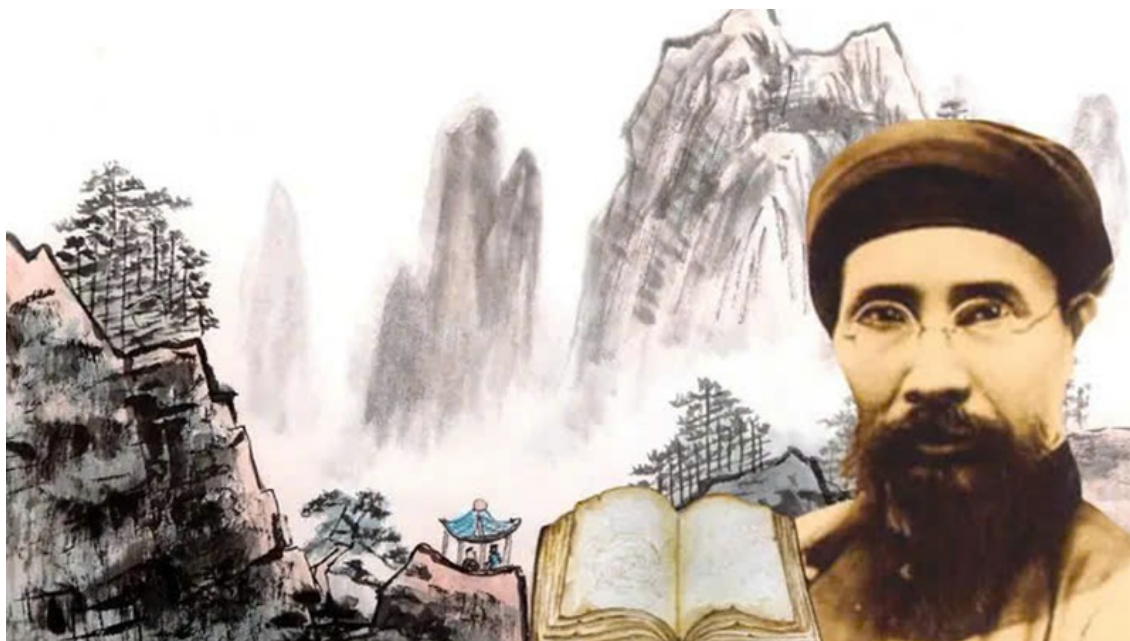
Do đó, bản chất của đạo Phật là đạo giác ngộ, lấy trí tuệ làm đầu, không thực hành những điều mê tín, huyền hoặc, tạo vẻ mầu nhiệm huyền bí xa rời thực tế, nhằm mê hoặc lòng người. Phật giáo hướng dẫn con người nhận thức đúng đắn thực tại trong cuộc sống, loại trừ những khúc mắc, khổ đau, sợ hãi của nội tâm và làm chủ bản thân của mình để vượt qua những khó khăn trong cuộc sống. Đức Phật dạy: *“Này các Tỷ kheo, chớ có suy tầm các tâm ác, bất thiện, như dục tâm, sân tâm, hại tâm. Vì sao? Các tâm ấy, này các Tỷ kheo, không liên hệ đến mục đích, chúng không phải căn bản cho phạm hạnh, chúng không đưa đến yếm ly, ly tham, đoạn diệt, an tịnh, thắng trí, giác ngộ, Niết bàn” [6].* Cho nên nhận thức cho rằng Phật giáo tự đề cao, tự suy tôn, tạo sự mầu nhiệm huyền bí, linh thiêng để thu hút tín đồ là nhận thức chưa khách quan đối với Phật giáo.

Thứ hai, Phật giáo chỉ lấy thuyết Báo ứng làm chủ và sợ người ta không tin, không theo, nên đưa ra những thuyết thiên đường, địa ngục. Trước khi bàn về vấn đề này, chúng ta hiểu về thuyết Báo ứng, Nhân quả của Phật giáo là gì? Theo Từ điển Phật học Huệ Quang định nghĩa về báo ứng như sau: “Đáp lại những việc đã cho đã tạo. Có cho tất có báo đáp, có cảm tất có ứng, nên hiện tại có được gì, chẳng kể họa phước, đều là báo ứng. Như làm các nghiệp lành phóng sinh, bố thí, phạm hạnh, tức là trồng nhân lành thì chiêu cảm quả báo lành. Ngược lại, làm các nghiệp ác sát sinh, trộm cắp, tà dâm... tức là trồng nhân ác thì chiêu cảm quả báo ác” [7]. Còn thuyết Nhân quả của Phật giáo theo Từ điển Phật học Hán - Việt của Phân viện nghiên cứu Phật học, do Hoà thượng Kim Cương Tử chủ biên, định nghĩa về nhân quả như sau: *“Nhân là cái năng sinh, Quả là cái sở sinh. Có Nhân ắt có Quả. Có Quả ắt có Nhân. Đó là lý Nhân Quả. Phật giáo coi lý này thông suốt cả ba đời mà thuyết về sự báo ứng của thiện ác. Kinh Quán Vô Lượng Thọ: “Tin tưởng sâu sắc và lý Nhân Quả, chẳng báng bổ Đại thừa”. Chỉ Quán, q.5: “chước quả là nhân, thu được là quả” [8].* Như vậy, qua hai định nghĩa về thuyết Báo ứng, Nhân quả theo quan điểm của Phật giáo cho chúng ta có một nhận thức toàn diện, đầy đủ về lý nhân quả trong cuộc sống. Lý nhân quả không chỉ riêng của Phật giáo, mà các tôn giáo khác cũng như các thể chế chính trị đều có cách tiếp cận nó tùy theo quan điểm riêng của từng thể chế chính trị hay tôn giáo. Tuy nhiên đối với Phật giáo, đức Phật không chấp nhận có một đấng tối cao ban phước hay giáng họa, chính chúng ta là chủ nhân của hành động họa phúc, mình làm lành được hưởng phước tốt đẹp, làm ác chịu quả khổ đau và nhân quả báo ứng là nền tảng sống của con người, dù đạo Phật có xuất hiện hay không xuất hiện, thì luật Nhân quả vẫn tồn tại và không ai có thể tách rời luật Nhân quả trong cuộc sống. Mỗi hành vi của cá nhân đều phải chịu quả báo tương xứng với hành vi mà chính bản thân

đã tạo ra. Nói cách khác, nhân quả trong Phật giáo hướng đến mục tiêu dạy con người sống phải có trách nhiệm trong từng ý nghĩ, lời nói, hành động của bản thân. Sống phải có trách nhiệm với bản thân, gia đình, hàng xóm, quốc gia, dân tộc. Nếu chúng ta sống vô ý thức, thiếu trách nhiệm sẽ làm tổn thương những người xung quanh, có khi gây hậu quả nghiêm trọng khó khắc phục.

Vấn đề là ở chỗ, khi nhận xét về Phật giáo, ông cho rằng Phật giáo sử dụng thuyết Nhân quả, Báo ứng để dụ dỗ mọi người hướng về **đạo Phật**; đồng thời ông cho rằng vì *sợ người ta không tin vào đạo Phật* nên đưa ra *thuyết địa ngục* để hăm dọa, đánh vào tâm lý sợ hãi của mọi người... là không phù hợp với triết lý sống của đạo Phật. Sự nhận xét đó mang tính phiến diện, chủ quan của cá nhân ông hoặc ông đứng trên quan điểm của Nho giáo khi chưa hiểu hết lý nhân quả và mục đích của nó đã vội vàng lên án Phật giáo. Thuyết Nhân quả, Nghiệp báo là một sự thật trong cuộc sống và Phật giáo cũng không cần phải vì sợ người tin hay không tin mà sử dụng nó như một công cụ lôi kéo tín đồ. Phật giáo trình bày những sự thật để mọi người nhận thức đúng đắn về họa phúc, để tránh xa sự nguy hiểm, tránh xa các tội lỗi. Trong kinh Tăng Chi bộ, chương Hai pháp, phẩm Hình Phật, đức Phật đã dạy: *“Này các Tỳ kheo, cần phải học tập như sau: Chúng ta phải sợ hãi đối với tội có kết quả trong hiện tại. Chúng ta phải sợ hãi đối với tội có kết quả trong đời sau. Chúng ta phải tránh xa các tội. Chúng ta phải thấy rõ sự nguy hiểm của các tội...đối với ai thấy rõ sự nguy hiểm của các tội, thời được chờ đợi rằng người ấy sẽ được giải thoát tất cả tội”* [9]. Cho nên, giải thoát ở đây không phải chúng ta được lên thiên đường, xa rời cuộc sống nhân sinh, mà giải thoát chính là giải phóng tâm thức của chúng ta thoát khỏi những tội lỗi như trộm cắp, tham lam, sân hận, tranh đấu, giết người, gieo rối tội lỗi cho người và xã hội, cố gắng rèn luyện bản thân giúp ích cho xã hội, xây dựng cuộc sống tốt hơn. Nếu chúng ta tạo ác, gieo rắc sự chết chóc, tạo nghiệp bất thiện gây hậu quả nghiêm trọng cho bản thân, gia đình, xã hội, thì đó là chúng ta đang sống trong cảnh địa ngục. Sự giằng xé lương tâm, sự hối hận về những hành vi, hành động bất thiện, khiến tâm bất an, thì đó chính là địa ngục. Trong thời đại nay mỗi ngày có những vụ lừa đảo, lường gạt trong xã hội mà báo chí thường đăng tải, khiến cho con người sống bất an. Điều đó, xuất phát từ đâu? Phải chăng do lòng tham muốn quá đáng đã tạo ra ác nghiệp, tội lỗi và hậu quả của nó chính là bị ngục tù. Điển hình như vụ án *ông trùm sưa giả Hiup Hoàng Quang Thịnh*, chủ tịch Công ty Z Holding bị kết án 30 năm tù; vụ án *thịt nhiễm dịch bệnh* tại Công ty cổ phần Đồ hộp Hạ Long đang bị khởi tố bắt tạm giam Tổng giám đốc và các bị can là nhân viên Công ty đồ hộp Hạ Long. Cùng với đó, ngày 24/12/2025, Công an tỉnh Lâm Đồng đã triệt phá thành công một đường dây mua bán ma túy liên tỉnh quy mô lớn, thu giữ 350 viên ma túy tổng hợp và bắt giữ 8 đối tượng... Do đó, luật Nhân quả theo quan điểm của

Phật giáo là luật cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội hiện nay, nó không những góp phần giúp cho con người nhận thức đúng đắn về những hành vi, hành động của bản thân để sống đúng, sống có lý tưởng giúp ích cho xã hội, dân tộc; mà còn ổn định trị an của xã hội và sự tiến bộ của con người trong thời đại toàn cầu hoá hết sức phức tạp như hiện nay. Thuyết Nhân quả, Báo ứng không phải để hăm dọa hay dụ dỗ bất kỳ ai tin theo Phật giáo hay không tin Phật giáo, mà đó là học thuyết ăn sâu trong lòng người Việt Nam, ai cũng biết, là lẽ sống thường ngày trong đời sống xã hội. Sự phê phán của ông về Phật giáo là nhận định chưa đúng, sai lệch khiến cho Phật giáo bị hiểu lầm về mục tiêu, nhiệm vụ, vai trò của mình trong đời sống nhân sinh.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Thứ ba, theo ông đọc kinh Sám hối là để mê hoặc đàn bà trẻ con không biết gì. Điều này có thật sự đúng chẳng? Tuy nhiên, Sám hối nghĩa là gì và tại sao phải đọc kinh Sám hối được ông ví như một công cụ để mê hoặc đàn bà, trẻ em không biết gì? Trước hết, theo Phật giáo Sám hối được hiểu như sau: “Sám (□), tức là trình bày điều xấu trước đây, hối (□) tức là sửa chữa cái lỗi đã qua, tu rèn cái thiện sắp tới”; theo Tuệ Uyển âm nghĩa, q. Hạ cho rằng: “Sám hối tức là sám ma, có nghĩa là thỉnh nhẩn, là cầu xin tiền nhân kiên trì nhận sự hối tội của mình” [10]. Do đó, Sám hối có nghĩa là ăn năn, hối hận những lầm lỗi mà chính bản thân đã gây ra được biểu hiện qua hành động, lời nói và quyết tâm, cố gắng thực hành điều tốt, sửa đổi tâm tánh, nguyện không tái phạm những tội lỗi đó trong tương lai, hướng tới những điều thánh thiện tốt đẹp hơn, tự mình hoàn thiện bản thân giúp ích cho con người và xã hội. Chính vì vậy, phương pháp đọc kinh Sám hối là một phương pháp tu tập rất tốt, có hiệu quả đối với mọi người trong cuộc sống để thanh lọc, thức tỉnh nội tâm, dẫn đến những hành động tích cực, tốt đẹp. Phật giáo sử dụng phương pháp Sám hối để

tẩy sạch nghiệp chướng, Thiên chúa sử dụng hình thức giải tội (Bí tích Sám hối) để ăn năn tội lỗi được chúa tha thứ...là những việc làm có ý nghĩa tích cực trong cuộc sống. Do đó, rửa sạch bụi trần bằng phương pháp sám hối thì ác nghiệp dần dần tiêu trừ, việc thiện ngày càng tăng trưởng. Trong bài *Tựa lục thì sám hối khoa nghi*, Trần Thái Tông viết: “*Muốn rửa sạch tội như trên thân trong dạ mà không dùng lễ sám hối thì khác nào muốn tiện lợi cho việc đi lại mà không dùng xe và thuyền*” [11].

Sám hối theo Phật giáo không phải là một *thứ bùa mê*, nhằm mê hoặc đàn bà hay trẻ con không biết gì. Nhận định như thế đã vô tình hoặc cố ý xúc phạm đến Phật giáo mà lẽ ra không nên tồn tại trong tư tưởng của một nhân vật được mọi người kính trọng lúc đương thời. Nếu nói như vậy, có nghĩa là ông đã xem thường phẩm giá, danh dự của người phụ nữ nói chung, người đàn bà nói riêng. Đây rõ ràng là quan điểm trọng “*nam khinh nữ*” được tiếp thu từ tư tưởng của Nho giáo, không phải là quan điểm của Phật giáo. Ông xem người đàn bà là ngu dốt không biết gì, nói sao nghe vậy, không có trí tuệ để nhận thức được cái nào đúng cái nào sai và có phải người đàn bà là hạng ngu dốt trong xã hội ngày xưa? Đó chỉ là hệ quả tồi tệ của một xã hội bị kiềm hãm bởi quan điểm nặng nề về lễ giáo và chế độ phong kiến đã bóp nghẹt sự cầu tiến, sự vươn mình tiến lên của người phụ nữ, khiến họ mất đi sự bình đẳng trong xã hội so với nam giới. Tuy nhiên, trong thế kỷ 19, 20 đã chứng minh cho vai trò của người phụ nữ trong sự phát triển của nhân loại. Đó là sự bùng nổ to lớn những công trình nghiên cứu có giá trị của các nhà khoa học nữ, điển hình như: Bà Marie Curie (07/11/1876-04/07/1934), người Ba Lan trưởng khoa vật lý của trường Đại học Sorbonne vào đầu những năm 1900, đã có nhiều đóng góp cho nền khoa học thế giới và bà đã cùng với chồng giành giải thưởng Nobel năm 1903; Nhà Vật lý Maria Goeppert-Mayer (1906-1972) là người Đức di cư sang Mỹ. Bà là nhà khoa học nữ nhiều đóng góp về tính toán trọng lực trong vật lý hiện đại; bà Jane Cooke Wright (SN 1919) là một trong những nữ bác sĩ người Mỹ gốc Phi đầu tiên. Bà là nhà nghiên cứu về bệnh ung thư tại Harvard thử nghiệm phương pháp điều trị hóa trị cá nhân cho các bệnh nhân ung thư, mở ra hướng điều trị quan trọng trong y học hiện đại; bà Barbara McClintock (16/06/1902 - 02/09/1992) là nhà khoa học di truyền học tế bào người Mỹ được trao giải Nobel Sinh lý học và Y khoa năm 1983. Bà McClintock nghiên cứu về cấu trúc gene của ngô, đặc biệt là sự hoán vị gene làm thay đổi vị trí trên nhiễm sắc thể; Nhà thần kinh học Rita Levi-Montalcini Rita Levi-Montalcini (22/04/1909 - 30/12/2012) đoạt giải Nobel Sinh lý và Y khoa năm 1986 cho công trình phát hiện ra nhân tố tăng trưởng thần kinh; bà Mae C. Jemison là nữ phi hành gia người Mỹ gốc Phi đầu tiên. Năm 1992, bà trở thành người phụ nữ da đen đầu tiên tham gia du hành vũ trụ và là thành viên phi hành đoàn trên con tàu không

gian Endeavour. Trước khi tham gia chương trình không gian, bà là bác sĩ y khoa từng phục vụ trong Quân đoàn Hòa bình ở Sierra Leone và Liberia. Giáo sư Jocelyn Bell Burnell (1943) là nhà Vật lý thiên văn học. Bà có khám phá được coi là quan trọng nhất thế kỷ XX về các xung vô tuyến Pulsar. Pulsar là sản phẩm của vụ nổ siêu tân tinh, thứ kiến tạo ra sự sống khắp vũ trụ... có rất nhiều người nữ trên thế giới là người có trí tuệ tuyệt vời, sánh ngang hàng với nam giới, có nhiều đóng góp cho nhân loại.

Do đó, việc nhận thức cho rằng đọc kinh Sám hối để mê hoặc đàn bà, trẻ em, là sự gián tiếp coi thường, sỉ nhục, đánh giá thấp năng lực trí tuệ đối với người phụ nữ. Ông không hiểu rằng phương pháp Sám hối của Phật giáo là một quá trình chuyển hoá nội tâm từ việc nhận lỗi, ăn năn những hành vi, hành động mang tính chất hại người, đến những việc làm thiện, giúp ích cho mọi người, xã hội, dân tộc. Sám hối không mang ý nghĩa xấu hay một công cụ để *mê hoặc* bất kỳ ai kể cả đàn ông hay đàn bà, trẻ em. Sự suy nghĩ và gán cho phương pháp đọc kinh Sám hối của Phật giáo như một thứ *bùa mê, mê tín* là một nhận thức sai lầm, phiến diện, chủ quan đối với một tôn giáo lớn có bề dày lịch sử trên 2500 năm. Điều đó, có lẽ ông đứng trên quan điểm của Nho giáo, xem trọng Nho giáo quá mức đến độ phê phán, đánh giá một tôn giáo khác một cách phiến diện, chủ quan, thiếu tôn trọng, mang tư tưởng đối ngược với Phật giáo.

2. Đề cao Khổng Tử xem nhẹ tôn giáo khác

Phan Bội Châu vừa là sĩ phu yêu nước vừa là một nhà Nho trung thành với học thuyết của Khổng Tử, cho nên ông đã tiếp thu, chịu ảnh hưởng tư tưởng của Nho giáo một cách sâu sắc. Ông ca ngợi, đề cao vai trò, tư tưởng của Khổng Tử khi so sánh, nhận xét tôn giáo khác, ông viết: “...Đạo Khổng Tử không thế, không bảo người ta tin mà người ta tự tin, không bảo người ta theo mà người ta tự theo, chỉ nói đạo lý mà không nói báo ứng, chỉ nói lúc đương sống mà không nói lúc đã chết rồi, mọi việc đều rõ ràng minh bạch như mặt trời giữa ban ngày”. Thật vậy, không ai phủ nhận vai trò đóng góp to lớn của Nho giáo trong việc xây dựng nền tảng tư tưởng chính trị của xã hội phong kiến qua các triều đại Đinh, Lê, Lý, Trần, Lê, Nguyễn..., đặc biệt là có ảnh hưởng đến nền giáo dục của nước ta trong xã hội phong kiến. Nhà hiền triết **Khổng Tử** đã từng viết rằng: “**Tề gia trị quốc bình thiên hạ**” (齊家，治國，平天下 - Tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ), thể hiện con đường lý tưởng từ rèn luyện bản thân đến quản lý gia đình, đất nước và mang lại thái bình cho thiên hạ. Nho giáo có nhiều giá trị tích cực trong xã hội, giáo dục đạo đức, trí đức cho con người Việt Nam trải qua các giai đoạn lịch sử của dân tộc.

Tuy nhiên, ngược dòng lịch sử, Nho giáo vào Việt Nam theo gót chân của quân xâm lược và việc truyền bá nó nằm trong chính sách đồng hóa dân tộc của các thế lực phong kiến phương Bắc nhằm nô dịch đời sống tinh thần của dân tộc ta. Năm 111 TCN, nhà Hán thôn tính Nam Việt và biến Âu Lạc thành đất đai của nhà Hán. Âu Lạc bị chia thành ba quận thuộc bộ Giao Chỉ là: Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Để nô dịch nhân dân ta về tư tưởng, ngay từ thời Tây Hán, Nho giáo đã được chính quyền đô hộ truyền bá vào nước ta, lấy Nho giáo làm hệ tư tưởng thống trị dân tộc ta. Song, trải qua các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Nho giáo cũng chưa có điều kiện dựa vào triều đình để duy trì và phát triển ảnh hưởng của mình. Sự suy yếu, tan rã của chế độ phong kiến cuối nhà Trần đã làm cho sự phát triển của Phật giáo suy yếu; thay vào đó, Nho giáo dưới sự ủng hộ của Hồ Quý Ly và các triều đại Lê sơ, Nguyễn về sau ủng hộ, góp phần củng cố vai trò, địa vị của Nho giáo, tạo môi trường thuận lợi phát triển để Nho giáo dễ dàng bén rễ và có sức ảnh hưởng từ triều đình cho đến đời sống của người dân. Đến khi nhà Tây Sơn lên nắm quyền cai trị đất nước đã lấy Nho giáo làm quốc giáo. Để củng cố địa vị thống trị, nhà Nguyễn ra sức phát triển Nho giáo và truyền bá Nho giáo. Các vua nhà Nguyễn như Gia Long, Minh Mạng, Tự Đức, Thiệu Trị đều là những người trực tiếp truyền bá Nho giáo và đào tạo Nho sĩ. Vua Gia Long ban hành bộ *Hoàng triều luật lệ* làm công cụ để bảo vệ *tam cương, ngũ thường*, trong đó phạt tội bất trung, bất hiếu còn tàn khốc hơn bộ *luật Hồng Đức* dưới triều nhà Lê. Vua Minh Mạng ban hành mười huấn dụ, gọi là *Thập điều* nhằm khuyên răn người dân theo về với chính đạo là Nho giáo và triều đình. Trong đó, điều mục đầu tiên và bao trùm lên tất cả là *Đôn nhân luân* tức phải luôn ghi nhớ và thực hiện *tam cương, ngũ thường*. Các nội dung như *mệnh trời, tam cương, ngũ thường, trung hiếu, tiết nghĩa...* được đề cao và bảo vệ bằng những điều luật do vua ban hành.

Năm 1858, quân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng, mở đầu cho cuộc xâm lược Việt Nam. Sau hàng ước 1884, giai cấp phong kiến triều Nguyễn trở thành tay sai cho Pháp và tiếp tục cấu kết với bọn đế quốc để nô dịch nhân dân ta. Mặc dù, Nho giáo trong giai đoạn này vẫn tiếp tục được tồn tại, duy trì cho đến đầu thế kỷ XX mới chấm dứt, nhưng nó đã trở nên tiêu cực, bảo thủ và lỗi thời trước những yêu cầu, thách thức của tiến trình lịch sử, nên sự suy tàn của nó là một tất yếu. Tư tưởng giáo dục của Nho giáo đã bộc lộ nhiều điều hạn chế.

Thứ nhất, thiếu dân chủ và bất bình đẳng trong xã hội, mặc dù Khổng Tử đề cao “*hữu giáo vô loại*”; nhưng thực tế, giáo dục của Nho giáo thời kỳ phong kiến chủ yếu phục vụ cho việc đào tạo quan lại, tầng lớp quý tộc, người giàu có, giáo dục giúp củng cố hệ thống cai trị của vua quan triều đình phong kiến đương thời. Việc giáo dục phụ nữ không được quan tâm đúng mực, chủ yếu giáo dục về đạo đức kỹ năng liên quan đến gia đình, chăm sóc chồng con, nó không giúp phụ nữ

tiến bước trên con đường học vấn và không bình đẳng đối với người phụ nữ lúc bấy giờ. Phụ nữ bị bó buộc trong cái gọi là “tam tông tứ đức”; “phu tử tòng tử”, một khi chồng chết, người phụ nữ phải theo người con trai, xem trọng con trai hơn con gái, điều này dẫn đến tư tưởng trọng nam khinh nữ, phụ thuộc vào vai trò của nam giới, chỉ có nam giới là trụ cột của gia đình, người phụ nữ chỉ có vai trò chính là lo việc nội trợ và sinh đẻ. Chính điều này đã ăn sâu, bám rễ trong cấu trúc gia đình truyền thống của xã hội Việt Nam trải qua nhiều thế hệ và nó cản trở sự phát triển, tiến bộ của người phụ nữ. Do đó nó không còn phù hợp với sự phát triển của xã hội Việt Nam ngày nay và sự hội nhập văn hoá toàn cầu trong giai đoạn mới.



Hình minh họa. Nguồn: Internet

Thứ hai, đề cao hình thức, lễ nghi, xem nặng về hình thức, đề cao các chuẩn mực đạo đức, trong nhiều trường hợp, khiến cho nó trở thành sự ràng buộc về hình thức, thiếu đi tính chân thành, thực chất. Việc đề cao hình thức, lễ nghi quá mức đôi lúc khiến cho con người sống giả tạm, dối trá trong cuộc sống. Nhiều người xem trọng hình thức coi nhẹ giá trị nội tâm, chạy theo chuẩn mực bề ngoài, tự đánh mất chính bản thân mình, như ca dao, tục ngữ Việt Nam có câu “tốt gỗ hơn tốt nước sơn”. Chính vì vậy, nhiều người đã lợi dụng cách sống hình

thức để lừa gạt những người thích vẻ bề ngoài, người nhẹ dạ cả tin mà báo chí ngày nay đăng tin rất nhiều như là: giả tạo uy tín, khéo mối quan hệ quyền lực...để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của những người cả tin vào cách sống hình thức bên ngoài. Điển hình như đầu tháng 4/2017, cơ quan điều tra Bộ Công an đã hoàn tất kết luận điều tra vụ án “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đối với Công ty cổ phần Liên kết sản xuất thương mại Việt Nam (Liên kết Việt) có trụ sở tại Hà Nội và các đơn vị liên quan khác. Dưới danh nghĩa “Liên kết Việt”, những kẻ chủ mưu lừa đảo đã tạo lòng tin đánh lừa người dân bằng cách giả danh công ty của Bộ Quốc phòng; Ngày 12-4, cơ quan điều tra Bộ Công an đã quyết định khởi tố bị can, tạm giam bị can và lệnh khám xét đối với Trần Đức Trung, Chủ tịch Hội đồng thành viên Trung tâm và Lê Thị Hằng, Tổng Giám đốc Trung tâm hỗ trợ người nghèo trong phát triển nông thôn mới, thuộc Hiệp hội doanh nghiệp nhỏ và vừa ngành nghề nông thôn Việt Nam để điều tra về hành vi “lừa đảo chiếm đoạt tài sản” (theo Điều 139, Bộ luật Hình sự)...

Thứ ba, *tư duy bảo thủ, không đổi mới*, bắt nguồn từ phương pháp “**Thuật nhi bất tác**” (術而無作) trong Nho giáo, có nghĩa là “**truyền đạt mà không sáng tác**”, chỉ người học trò, người trí thức có công đức lớn là kế thừa, truyền bá kiến thức, đạo lý của bậc tiền nhân, giữ gìn và thuật lại một cách trung thực, chứ không thêm bớt, không tự mình sáng tạo ra cái mới, thể hiện sự tôn trọng quá khứ và tính trung thực trong học thuật. Điều này tạo ra hệ thống tư duy khuôn mẫu, tôn trọng truyền thống, tiếp thu cái mới một cách chậm chạp. Song song đó, các giá trị “trung”, “hiếu”, “lễ” trong Nho giáo được đề cao quá mức, đôi khi sẽ đưa đến một cách nghĩ và hành động mang tính máy móc, thiếu linh hoạt trong sự thay đổi của thời đại. Chẳng hạn như chữ “hiếu”, con cái phải nghe lời cha mẹ tuyệt đối ngay khi quan điểm của cha mẹ không còn phù hợp với thời đại, cha mẹ làm sai cũng không được góp ý, điều này đem đến thiếu tự chủ. Chữ “trung” nghĩa là đề cao sự trung thành mù quáng với bề trên tuyệt đối, hạn chế tư duy phản biện ngay cả khi đối mặt với sự bất công. Như là “quân xử thần tử, thần bất tử bất trung”; nếu vua không chính danh, ra lệnh sai, bắt bề tôi phải trung thành, hy sinh để bảo vệ cái không chính nghĩa của vua, thì tất nhiên chữ “trung” này không đúng, lỗi thời, không phù hợp với quan điểm “trung quân, ái quốc” của người Việt trong thời đại mới. Trung thành với bề trên để bảo vệ xã tắc, vì chính nghĩa, vì dân tộc, không phải vì cá nhân của bề trên. Chữ “lễ” đặt nặng hình thức, tạo áp lực buộc cá nhân phải tuân thủ theo khuôn khổ, phép tắc, khó thoát khỏi lối mòn. Trong tôn giáo, kể cả Phật giáo, đôi khi cũng bị hình thức “lễ giáo” ràng buộc, tạo áp lực cho sự phát triển, đổi mới của giới Tăng trẻ. Hệ quả của sự ràng buộc “lễ” là người Việt có xu hướng ngại thay đổi, sống cam chịu, thích ổn định, coi trọng sự đồng thuận, khiến cá nhân ngại bày tỏ quan điểm khác biệt, hạn chế tư duy sáng tạo.

Qua đó, cho chúng ta có nhận thức rằng, bất kỳ tôn giáo nào cũng có những giá trị tích cực và những hạn chế nhất định do sự quy định của lịch sử. Chúng ta không phải vì tư duy cá nhân mà vội vàng nhận thức, đánh giá tôn giáo khác một cách chủ quan, phiến diện. Mặc dù, quan điểm cốt lõi của ông mong muốn mọi người, mọi tầng lớp trong nhân dân, đặc biệt là các tôn giáo cùng nhau đoàn kết, thể hiện tinh thần yêu nước chống Pháp bảo vệ đất nước, ông viết: *“Ta trông mong các nhà tôn giáo không nên bàn tôn giáo nào phải hay trái, mà chỉ nên bàn nước mình mạnh hay yếu, không nên bàn tôn giáo nào giống nhau hay khác nhau, mà nên bàn nước còn hay mất. Hãy một lòng yêu nước thương nòi liều chết chống giặc...”*[12]. Tuy nhiên, trong giai đoạn lịch sử của đất nước còn nhiều hỗn loạn, chia cắt, thù trong giặc ngoại, việc phê phán, chỉ trích các tôn giáo không phải là một giải pháp hữu hiệu để kêu gọi sự đồng tâm hiệp lực của các tôn giáo thể hiện tinh thần đoàn kết chống Pháp. Trong lịch sử chống giặc Nguyên - mông xâm lược và để ổn định trị an trong giai đoạn vương triều nhà Trần thay thế vương Triều nhà Lý, nhà Trần đã khôn khéo cân bằng và điều hoà lợi ích giai cấp, lợi ích giữa các tôn giáo đương thời như Nho giáo, Phật giáo, Lão giáo, các vua Trần phải dung hợp các tôn giáo trên nguyên tắc *“tam giáo đồng nguyên”*, như vua Trần Thái Tông đã viết: *“Phương tiện dẫn dụ đám người mê muội, con đường tắt sáng tỏ lẽ sinh tử, ấy là đại giáo của đức Phật. Đặt mục thước cho hậu thế; làm khuôn mẫu cho tương lai, ấy là trách nhiệm của tiên thánh”* [13]. Đây là sự vận dụng khéo léo tài năng trong đường lối, chính sách của người đứng đầu lãnh đạo đất nước, mặc dù biết rằng Nho giáo và Lão giáo gắn liền với yếu tố chính trị, sự ảnh hưởng của nó kiềm hãm sự phát triển của đất nước và không thể đáp ứng được khát vọng đi lên của một dân tộc muốn làm chủ vận mệnh đất nước, toàn vẹn lãnh thổ, không bị lệ thuộc bên ngoài và phát triển đất nước bằng chính nguồn lực của nhân dân Đại Việt.

Tóm lại, Phan Bội Châu vừa là bậc chí sĩ yêu nước, nhà hoạt động cách mạng Việt Nam đầy tâm huyết, vừa là nhà văn hoá, nhà tư tưởng lý luận điển hình về chủ nghĩa dân tộc ở Việt Nam giai đoạn đầu thế kỷ XX. Ông đã thành lập hội Duy Tân (1904) dùng đường lối vũ trang bạo động với chủ trương ngoại viện để đánh đuổi thực dân Pháp, mong muốn khôi phục nước Việt Nam độc lập, tự chủ. Tuy nhiên, ông đã giải tán Duy Tân hội và thành lập Việt Nam Quang phục hội với tôn chỉ *“khu trục Pháp tặc, khôi phục Việt Nam, kiến lập Việt Nam cộng hoà dân quốc”*, đánh dấu một bước tiến mới của cách mạng Việt Nam đầu thế kỷ XX. Ông cố gắng thức tỉnh đồng bào theo con đường cách mạng đúng đắn, đó là con đường chủ nghĩa xã hội (Mác - Lênin). Ông được đánh giá là *“bậc anh hùng, vị thiên sứ, đấng xả thân vì độc lập, được 20 triệu con người trong vòng nô lệ tôn sùng”*. [14] Tuy nhiên, do còn hạn chế mang tính lịch sử và sự cấp thiết kêu gọi mọi tầng lớp nhân dân kể cả các nhà tôn giáo đoàn kết, đấu tranh chống

giặc Pháp, đôi lúc ông đã có những nhận định, so sánh, chỉ trích tôn giáo nói chung, Phật giáo nói riêng mang tính chủ quan, phiến diện. Ông phê phán đọc kinh Sám hối của Phật giáo là để *mê hoặc đàn bà, trẻ em*; điều này có thể gây nên làn sóng phản kháng không đáng có và sự bất bình trong xã hội, nhất là sự coi thường trí tuệ và tài năng của người phụ nữ Việt Nam. Song, người ta có thể hiểu rằng ông là người trung thành với Nho giáo, tiếp thu, chịu ảnh hưởng của tư tưởng Khổng giáo sâu sắc, cho nên câu chuyện về *trọng nam khinh nữ, phê phán tôn giáo khác, đề cao Nho giáo* là điều không thể tránh khỏi trong quan điểm của ông, đó là vấn đề tồn tại lâu dài và bất bình đẳng trong xã hội phong kiến kéo dài đến thế kỷ XX. Tuy nhiên, đối với một người lãnh đạo chính trị, lãnh đạo các phong trào yêu nước, thì phải biết cân bằng, điều hoà lợi ích của các tầng cấp nhân dân, lợi ích các tôn giáo, để gắn kết họ đoàn kết nhằm thực hiện những mục tiêu quan trọng đó là chống Pháp cứu nước, không phải là sự chỉ trích, phê phán đối với các tôn giáo, đánh giá thấp người phụ nữ trong giai đoạn *dầu sôi lửa bỏng* của đất nước. Đó cũng là hạn chế của người lãnh đạo chính trị. Tuy nhiên, dù sao, ông vẫn là một anh hùng dân tộc có tinh thần yêu nước nồng nàn, xả thân vì độc lập, tự do của dân tộc Việt Nam.

Tác giả: **Thượng tọa Thích Lệ Quang**

Chú thích:

- [1]. Phan Bội Châu: Toàn tập, t.1, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2000, tr.111.
- [2]. PGS.TS. Doãn Chính, *Từ điển Triết học tôn giáo Ấn Độ*, Nxb. Khoa học xã hội, 2024, tr. 313.
- [3]. HT. Thích Minh Châu (dịch), *Đại tạng kinh Việt Nam, kinh Trung bộ*, tập I, Nxb. Tôn giáo, 2013, tr. 374.
- [4]. HT. Thích Minh Châu (dịch), *Đại tạng kinh Việt Nam, kinh Trường bộ*, Nxb. Tôn giáo, 2013, tr. 337.
- [5]. HT. Thích Minh Châu (dịch), *Đại tạng kinh Việt Nam, kinh Tương Ưng bộ, tập 2*, Nxb. Tôn giáo, 2013, tr. 789.
- [6]. HT. Thích Minh Châu (dịch), *Đại tạng kinh Việt Nam, kinh Tương Ưng bộ, tập 2*, Nxb. Tôn giáo, 2013, tr. 780.
- [7]. Thích Minh Cảnh (chủ biên), *Từ điển Phật học Huệ Quang*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2003, tr. 326.

[8]. Phân viện nghiên cứu Phật học, *Từ điển Phật học Hán - Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, 2012, tr. 842.

[9]. HT. Thích Minh Châu (dịch), *Đại tạng kinh Việt Nam, kinh Tăng Chi bộ, tập 1*, Nxb. Tôn giáo, 2015, tr. 86.

[10]. Phân viện nghiên cứu Phật học, *Từ điển Phật học Hán - Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, 2012, tr. 1059.

[11]. Nguyễn Huệ Chi (chủ biên) (1988), *Thơ văn Lý - Trần, tập 2*, NXB. KHXH, HN tr.157.

[12]. Phan Bội Châu: Toàn tập, t.1, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2000, tr.112.

[13] Nguyễn Huệ Chi (chủ biên) (1988), *Thơ văn Lý - Trần, tập 2*, NXB. KHXH, HN, tr. 27.

[14] . Hồ Chí Minh: Toàn tập, t 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, tr.70.

Tài liệu tham khảo:

1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, tập 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.

2] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Đại tạng kinh Việt Nam, kinh Tăng Chi bộ, tập 1*, Nxb. Tôn giáo, 2015.

3] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Đại tạng kinh Việt Nam, kinh Trung bộ, tập 1*, Nxb. Tôn giáo, 2013.

4] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Đại tạng kinh Việt Nam, kinh Trường bộ*, Nxb. Tôn giáo, 2013.

5] HT. Thích Minh Châu (dịch), *Đại tạng kinh Việt Nam, kinh Tương Ưng bộ, tập 2*, Nxb. Tôn giáo, 2013.

6] HT. Thích Minh Cảnh (chủ biên), *Từ điển Phật học Huệ Quang*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, 2003.

7] Nguyễn Huệ Chi (chủ biên), *Thơ văn Lý - Trần, tập 2*, NXB. KHXH, HN, 1988.

8] PGS.TS. Doãn Chính, *Từ điển Triết học tôn giáo Ấn Độ*, Nxb. Khoa học xã hội, 2024.

9] Phan Bội Châu: Toàn tập, t.1, Nxb. Thuận Hoá, Huế, 2000.

10] Phân viện nghiên cứu Phật học, *Từ điển Phật học Hán - Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, 2012.